

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và bà Trần Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-DS ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1982; có mặt.

Địa chỉ: T4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1, theo văn bản ủy quyền số 2359 ngày 28/11/2019; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị L; có mặt.

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày:

Căn cứ các giấy nhận nợ thì tổng số tiền bà Trần Thị L nợ bà Đinh Thị H theo đơn khởi kiện là 110.000.000 đồng tiền gốc và lãi tạm tính là 40.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, số tiền cả gốc và lãi được chia ra và trả theo ngày, cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, số tiền bà L

trả chưa đủ số tiền gốc theo giấy xác nhận nợ, vì số tiền xác nhận nợ này là số tiền gốc bà H cho bà L vay. Khi khởi kiện do có 02 giấy xác nhận nợ chưa tìm thấy nên bà H tạm tính số tiền gốc như đã khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi tìm thêm được 02 giấy gốc xác nhận nợ cung cấp cho Tòa án, đối chất làm rõ số tiền gốc và lãi thì bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà H số tiền gốc còn lại trong 06 giấy xác nhận nợ thể hiện là **103.100.000 đồng**, về lãi suất thì bà H rút yêu cầu. Số nợ này được căn cứ trên các giấy nhận nợ như sau:

- Ngày 15/01/2017 bà L vay với số tiền là 20.000.000 đồng, hạn trả ngày 15/04/2017, quá trình thực hiện bà L trả được một phần, đối với giấy này tính đến ngày 15/03/2017 bà L còn nợ là 37 ngày x 200.000 đồng/ 01 ngày = 7.400.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 09/02/2017 bà L vay với số tiền là 20.000.000 đồng, hạn trả ngày 09/05/2017, quá trình thực hiện bà L trả được một phần, đối với giấy này tính đến ngày 30/03/2017 bà L còn nợ là 48 ngày x 200.000 đồng/ 01 ngày = 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Ngày 06/05/2017 bà L vay với số tiền là 30.000.000 đồng hạn trả ngày 06/08/2017 quá trình thực hiện bà L trả được một phần, đối với giấy này tính đến ngày 07/05/2017 bà L còn nợ là 86 ngày x 300.000 đồng/ 01 ngày = 25.800.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Ngày 18/05/2017 bà L vay với số tiền là 30.000.000 đồng, quá trình thực hiện bà L trả được mấy ngày, hiện bà L còn nợ là 96 ngày x 300.000 đồng/ 01 ngày = 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Ngày 29/03/2017 bà L vay với số tiền là 20.000.000 đồng, quá trình thực hiện bà L trả được một phần, đối với giấy này tính đến ngày 17/04/2017 bà L còn nợ là 66 ngày x 200.000 đồng/ 01 ngày = 13.200.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Ngày 16/04/2017 bà L vay với số tiền là 20.000.000 đồng, quá trình thực hiện bà L trả được một phần, đối với giấy này tính đến ngày 01/05/2017 bà L còn nợ là 61 ngày x 300.000 đồng/ 01 ngày = 18.300.000 đồng (*Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*).

Do bà Trần Thị L không thừa nhận chữ ký người vay tiền trong 04 giấy xác nhận nợ bà H cung cấp tại thời điểm khởi kiện nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ viết và chữ ký của bà L tại mục người vay tiền. Qua 02 lần giám định, kết luận: Các chữ họ và tên “*Trần Thị L*” dưới mục “*người vay*” trên 04 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết dùng làm mẫu so sánh đứng tên Trần Thị L trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người viết ra.

Quá trình giải quyết bà Đinh Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 126 BLTTDS đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 00-T, diện tích 120 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 453891 đứng tên ông Trần Văn T và bà Trần Thị L, tọa lạc tại T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ các chứng cứ trình bày trên, bà Đinh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền gốc còn nợ là 103.100.000 đồng (*Một trăm linh ba triệu một trăm nghìn đồng*) .

Tại phiên toà bà Đinh Thị H rút yêu cầu đòi với số tiền lãi tạm tính là 40.000.000 đồng.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp 06 giấy xác nhận nợ bản gốc, có chữ ký của bà Trần Thị L để có căn cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2019 và biên bản đối chất ngày 09/01/2020 bà L thừa nhận có nợ bà H số tiền là 103.100.000 đồng, vay bằng hình thức trả góp, trả mỗi ngày là 2.000.000 đồng, khi không có khả năng trả bà L đã thoả thuận với bà H là không tính lãi và đồng ý cho bà L trả dần. Tuy nhiên, quá trình hoà giải và tại phiên toà bà L không thừa nhận số nợ bà H yêu cầu vì cho rằng đã trả hết cho bà H, hiện nay không còn nợ như bà H yêu cầu. Nhưng từ khi hai bên chốt lại số nợ là 103.100.000 đồng bà L trả nhưng không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Bà L không thừa nhận nợ bà H số tiền như trong 06 giấy nhận nợ bà H cung cấp khởi kiện. Bà L trình bày chữ ký trong 04 giấy nhận nợ không phải chữ ký của bà L. Còn 02 giấy xác nhận nợ bà H cung cấp sau bà L không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu giám định. Việc kết luận của Bộ công an về kết quả giám định là không đúng nên bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu bà H.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 171, 173, 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, HĐXX:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H.

Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền gốc 103.100.000 đồng (*Một trăm linh ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Các nội dung khác: HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Đinh Thị H khởi kiện bà Trần Thị L trả nợ do vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Hiện nay, bị đơn đang cư trú tại T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 175 và Điều 177 BLTTDS. Bà L có mặt nhưng chưa chấp hành tốt là không ký vào một số thủ tục tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc đương sự không ký biên bản và có người khác chứng kiến để có căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy xác nhận nợ bà H cung cấp thể hiện thời gian từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2017 đến tháng 9 năm 2019 khởi kiện nên vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật dân sự; Điều 184 BLTTDS;

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nguồn gốc số nợ bà H cho bà L vay làm nhiều lần, được thể hiện tại 06 giấy nhận nợ, có chữ viết, chữ ký người vay là bà L, việc vay nợ được hai bên thỏa thuận trả hàng ngày cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện bà L trả được một phần. Tính đến thời điểm bà L không trả được theo 06 giấy vay thì bà L còn nợ bà H số tiền là 103.100.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Khi ghi xác nhận nợ cho bà L không thể hiện thời gian, thời hạn chậm trả. Bà L không cung cấp giấy gốc bà H viết cho bà L với số tiền còn lại 103.100.000 đồng theo quyết định cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, đối chiếu chứng cứ gốc bà H cung cấp, lời khai các đương sự, kết luận giám định thể hiện người vay là bà L nên yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện so với khởi kiện ban đầu là trong phạm vi khởi kiện nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà L về việc cho rằng không phải chữ ký của bà L trong 04 giấy xác nhận nợ và đã trả hết số tiền còn nợ 103,100.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận vì:

Tại kết luận giám định số 717/C09B ngày 05/3/2021 của Phân viện KHHS tại TP. Hồ Chí Minh kết luận: Chữ viết họ và tên “Trần Thị L”, dưới mục người vay trên 04 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết dùng làm mẫu so sánh đúng tên Trần Thị L trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người viết ra.

Tại kết luận giám định số 368/KL- C09 (P5) ngày 11/02/2022 của Viện khoa học hình sự- Bộ công an kết luận: Các chữ “Trần Thị L”, dưới mục “người vay” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết của Trần Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người viết ra.

Về nội dung bà L cho rằng đã trả tiền cho bà H là bà L khai, bà H khai là chưa nhận gì từ bà L khi xác nhận số nợ đến nay, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ.

Từ nhận định trên, HĐXX xét thấy cần buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị H số tiền nợ gốc còn lại là 103.100.000 đồng.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án.

[4.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Đinh Thị H rút yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà L trả lãi. Xét việc rút này tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này trong bản án theo quy định.

[4.3] Về khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ - BPKCTT ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án. Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Chi phí giám định: Do kết quả giám định là chữ viết và chữ ký của bà Trần Thị L nên bà L phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 8.050.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H được chấp nhận nên bà Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 103.100.000 đồng x 5% = 5.155.000 đồng (*Năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Trần Thị L khai đã trên 60 tuổi. Mặc dù, quá trình giải quyết Tòa án đã giải thích về việc trường hợp những đương sự trên 60 tuổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L được miễn án phí. Tuy nhiên, bà L không cung cấp bản pho tô chứng thực căn cước công dân cũng như đơn yêu cầu miễn án phí nộp cho Tòa án theo Điều 14 của Nghị quyết nên HĐXX không có căn cứ để miễn án phí cho bà L theo quy định.

Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng, theo biên lai số 0002311 ngày 20/9/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H.

Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền gốc là 103.100.000 đồng (*Một trăm linh ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ - BPKCTT ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án. Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về chi phí giám định: Căn cứ khoản 1 Điều 160 BLTTDS: Bà Trần Thị L phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 8.050.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 5.155.000 đồng (*Năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng, theo biên lai số 0002311 ngày 20/9/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà